CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

Ngày 30/06/2025	14,050 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.7%	**-4.4%**	**-1.7%**

DT thuần
Q2/25
197
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 67.0| 51.7%
YoY: ▲ 53.0| 36.9%

LN thuần
Q2/25
10.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.50| -13.3%
YoY: ▼0.90| -8.6%

LN sau thuế
Q2/25
8.39
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.77| -8.4%
YoY: ▲ 0.89| 11.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
10.7%
YoY: +/-▼ 4.5%

ROE (TTM)
Q2/25
3.9%
YoY: +/-▲ 0.0%

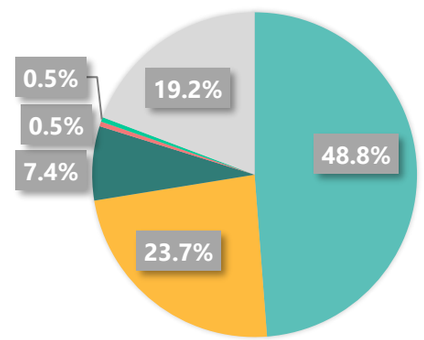
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	12,400 - 15,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,475
Số lượng CPLH (CP)	104,999,993
KLGD BQ 20 phiên (CP)	176,202
Sở hữu nước ngoài	7.5%
Beta	0.07
EPS	488
P/E	28.8

DT thuần
6T 2025
327
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 72.0| 28.3%

LN thuần
6T 2025
21.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.10| -8.9%

LN sau thuế
6T 2025
17.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.30| -1.5%

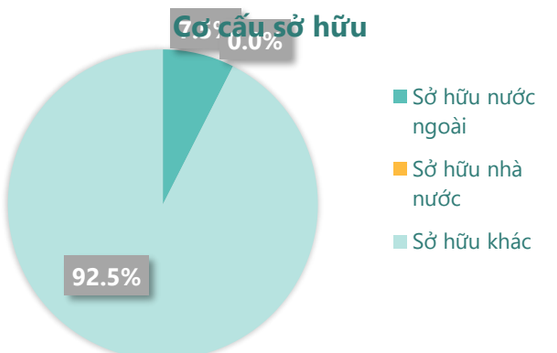
Cơ cấu cổ đông



- CTCP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương
- Nguyễn Thị Kim Thanh
- PYN Elite Fund (Non-Ucits)
- Nguyễn Ốc Ty
- America LLC
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

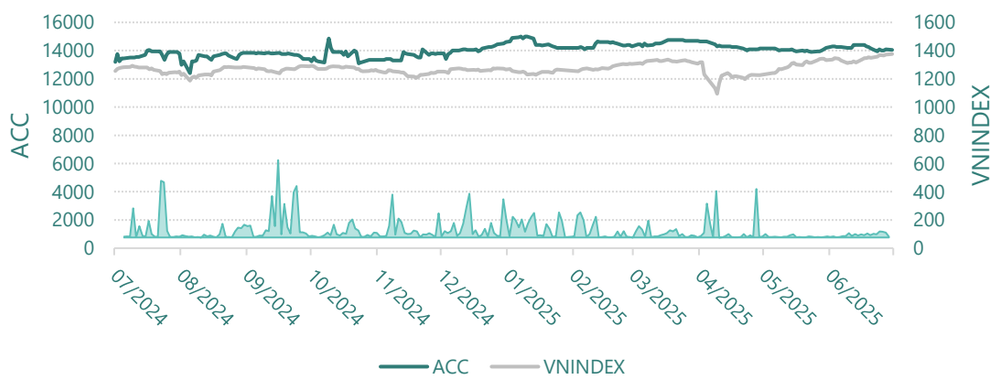
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

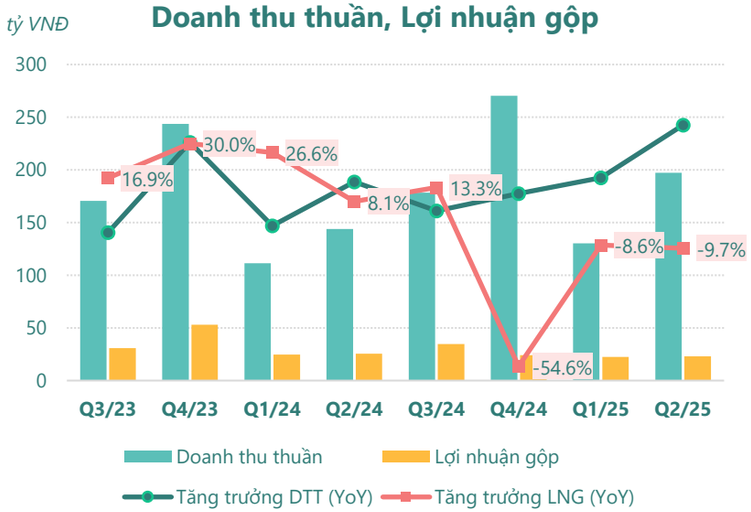
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



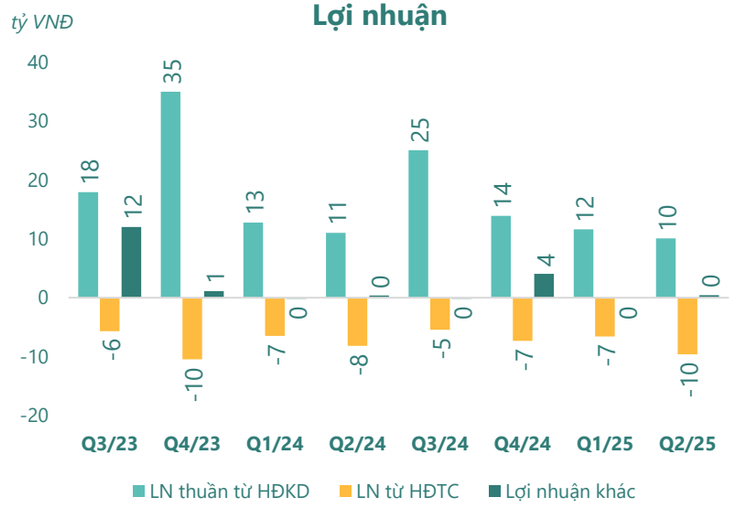
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



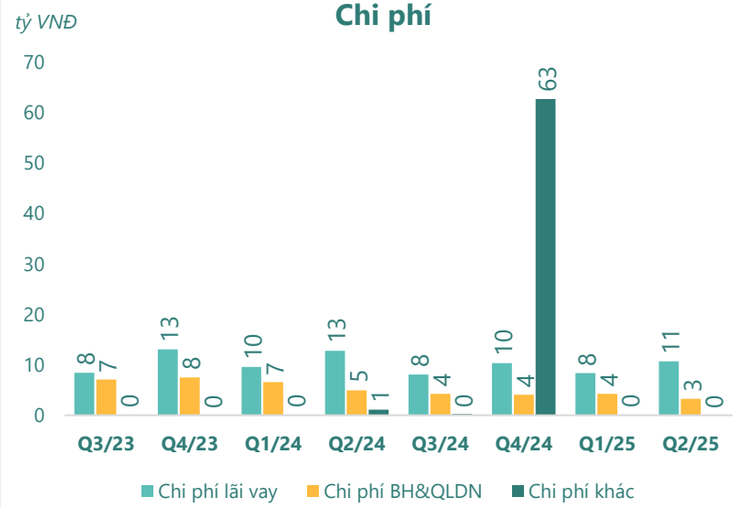
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



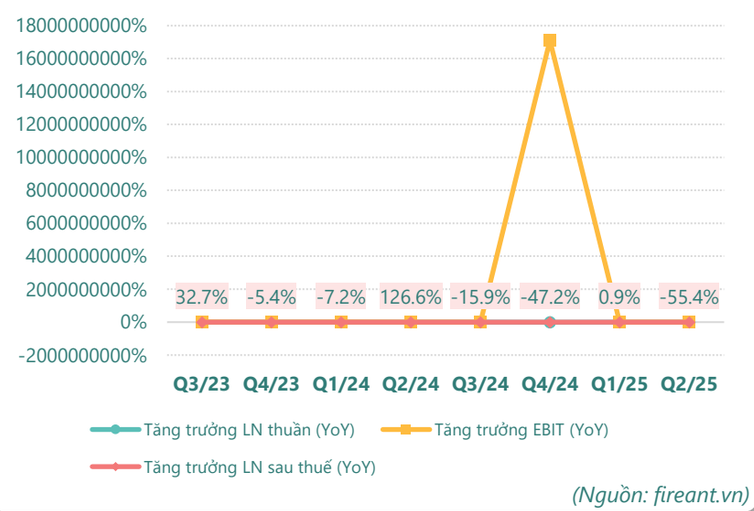
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



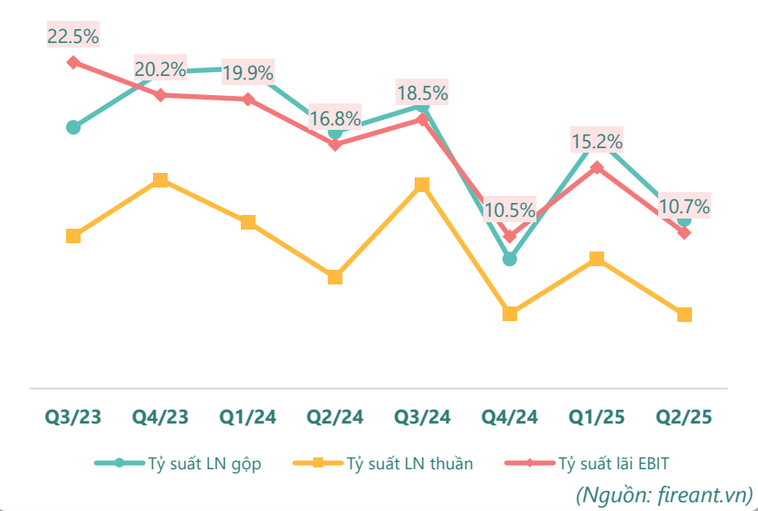
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



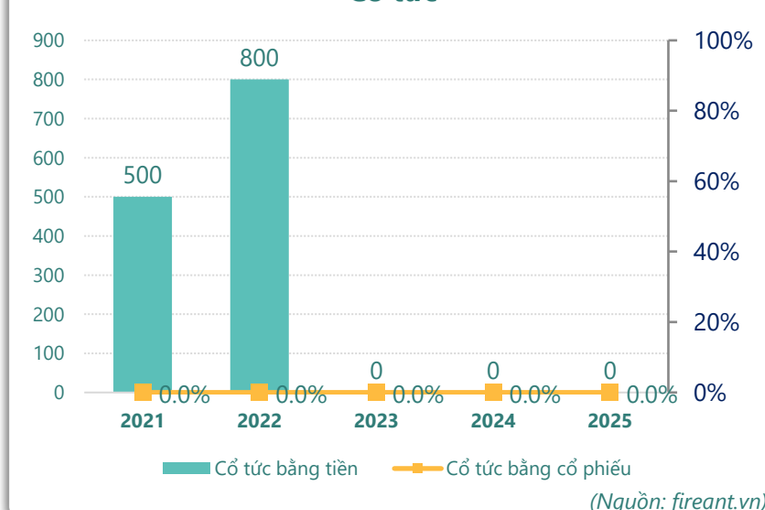
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

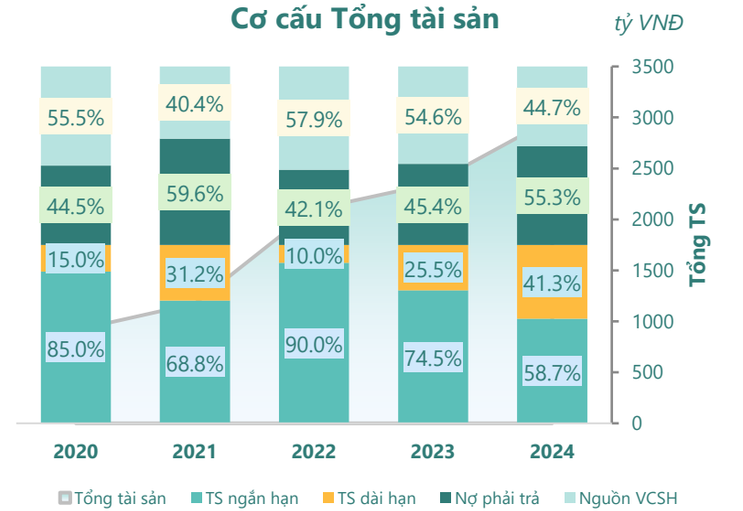
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

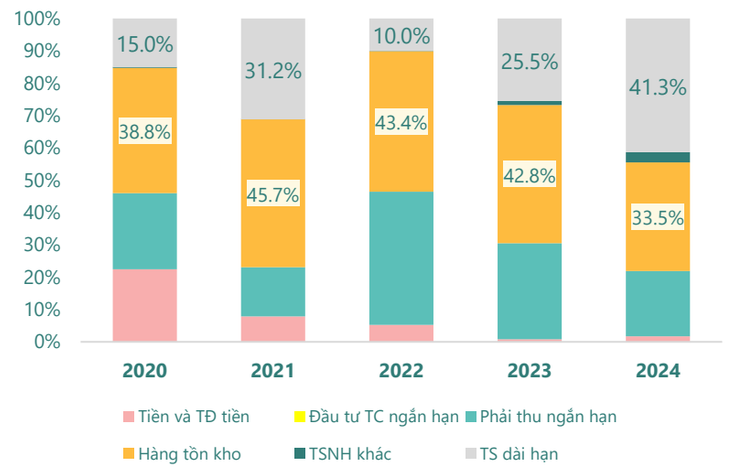
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



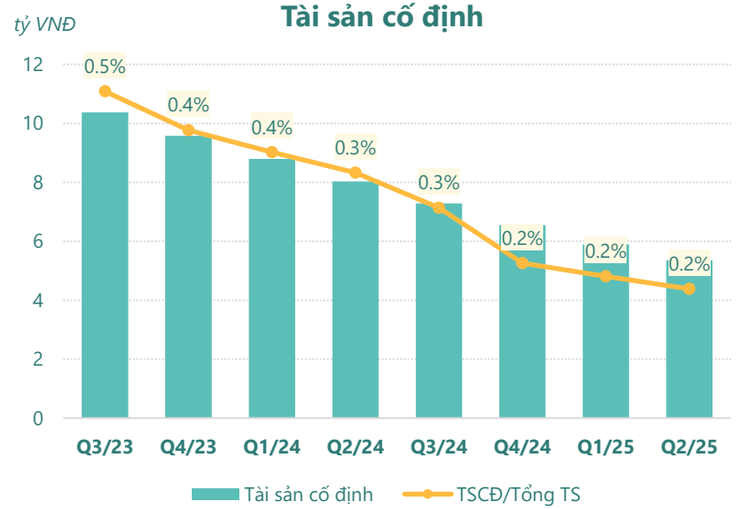
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



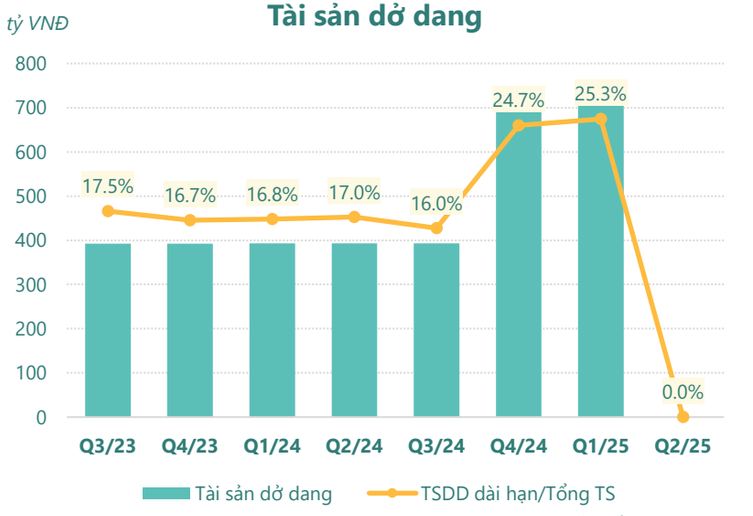
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



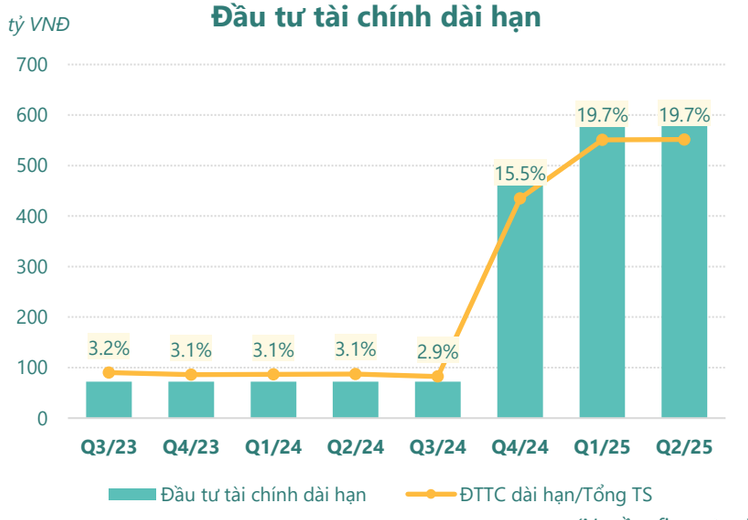
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



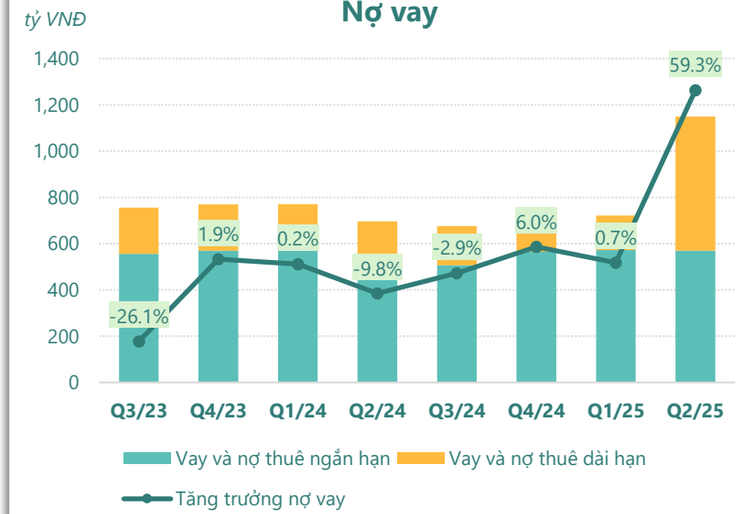
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

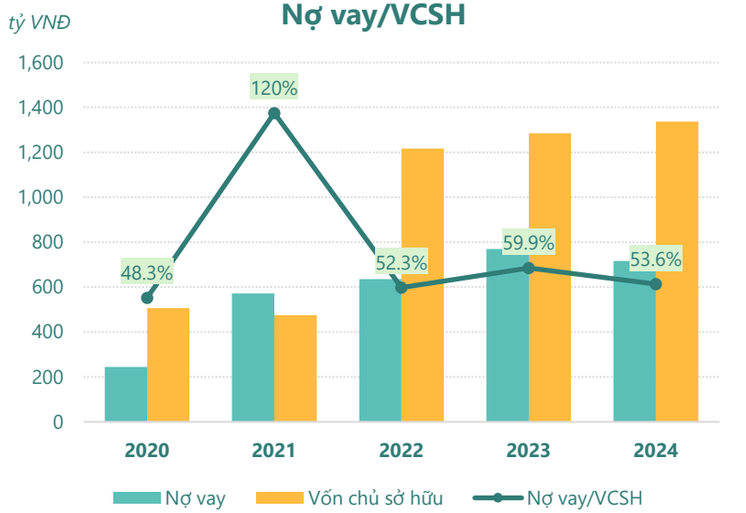
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

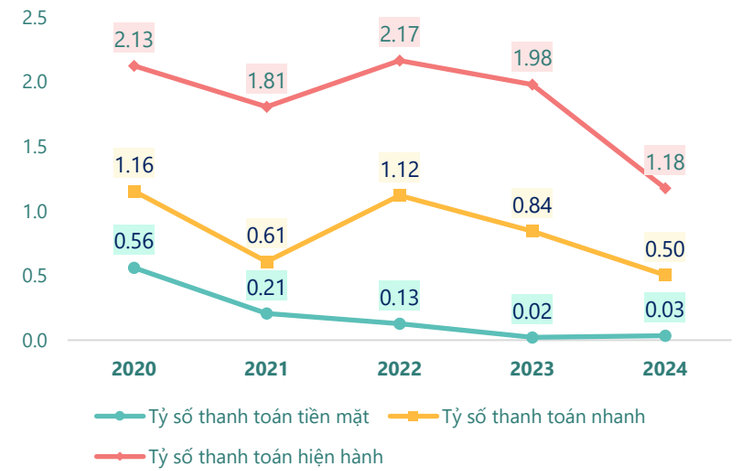
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



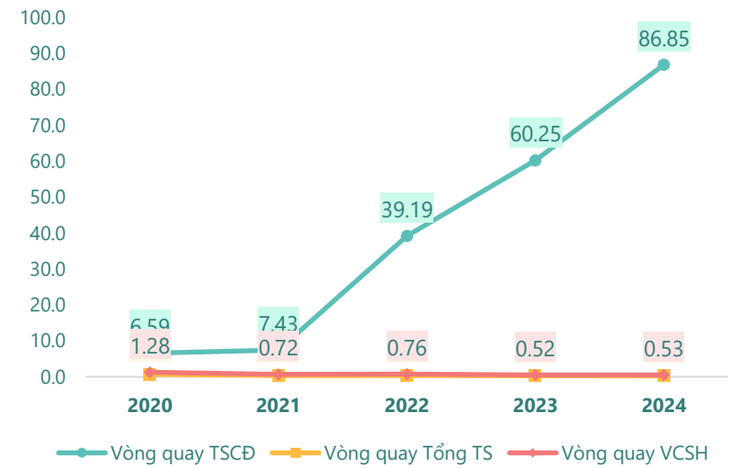
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



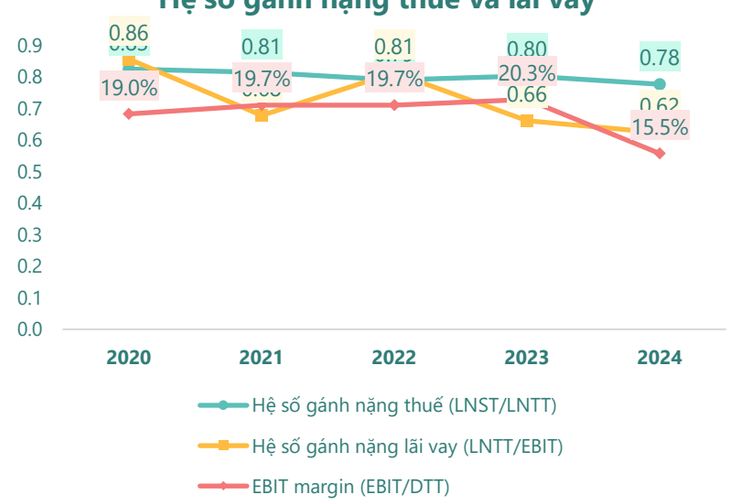
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



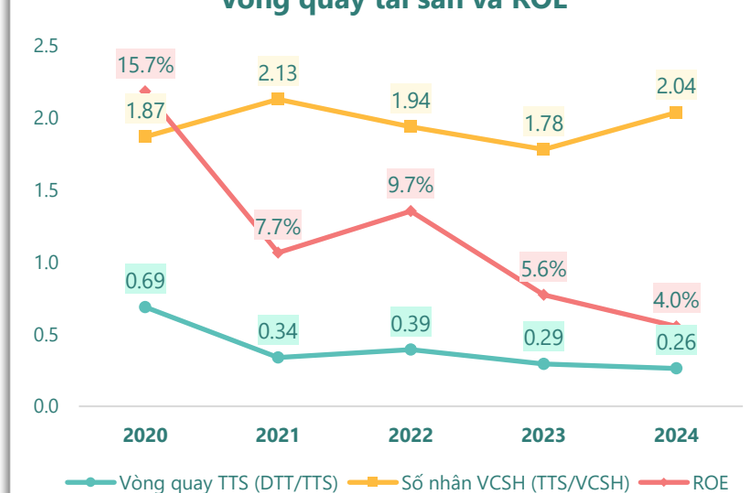
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



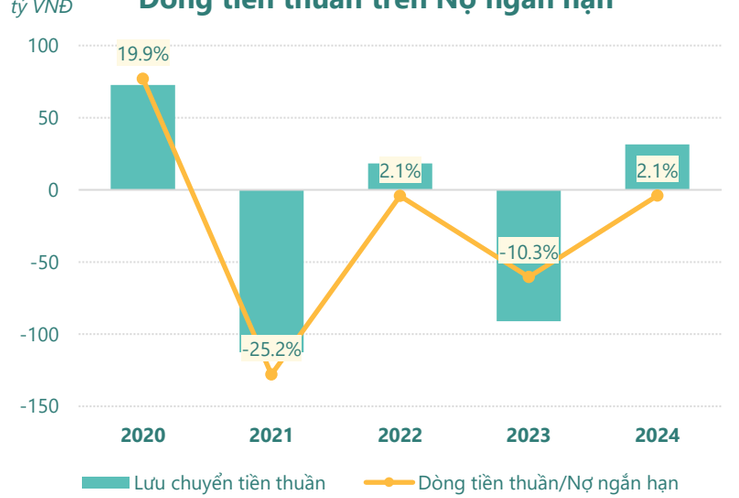
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**197**	**144**	**36.9%**	**327**	**255**	**28.3%**
Giá vốn hàng bán	174	118	47.6%	282	205	37.4%
Lợi nhuận gộp	23.0	25.4	-9.6%	45.4	50.0	-9.2%
Doanh thu HĐTC	1.04	4.59	-77.4%	2.80	7.67	-63.5%
Chi phí TC	10.7	12.8	-16.6%	19.0	22.4	-14.8%
Chi phí lãi vay	10.7	12.8	-16.6%	19.0	22.4	-14.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**-1.25**	**100%**	**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.06	1.73	-38.9%	2.77	5.04	-45.0%
Chi phí QLDN	**2.19**	**3.22**	**-31.9%**	**4.73**	**6.49**	**-27.0%**
LN thuần từ HĐKD	10.1	11.0	-8.6%	21.7	23.8	-8.9%
Lợi nhuận khác	**0.44**	**0.38**	**16.2%**	**0.30**	**0.23**	**30.5%**
LN trước thuế	10.5	11.4	-7.9%	22.0	24.0	-8.6%
Lợi nhuận sau thuế	**8.39**	**7.50**	**11.9%**	**17.5**	**17.8**	**-1.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**8.19**	**7.51**	**9.0%**	**17.1**	**17.8**	**-3.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	17.8	26.0	36.9	301	-21.3	-402
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-16.5	44.8	-0.28	-325	35.6	-56.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.62	-75.4	-20.2	40.8	4.88	428
Tiền đầu kỳ	19.4	22.3	17.7	34.2	50.8	70.0
Lưu chuyển tiền thuần	**2.94**	**-4.64**	**16.5**	**16.7**	**19.1**	**-30.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	22.3	17.7	34.2	50.8	70.0	39.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,934**	**2,987**	**-1.8%**
Tài sản ngắn hạn	1,579	1,753	-9.9%
Tiền và tương đương tiền	39.1	50.8	-23.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	468	604	-22.6%
Hàng tồn kho	983	1,002	-1.8%
Tài sản ngắn hạn khác	88.8	95.9	-7.3%
Tài sản dài hạn	**1,355**	**1,235**	**9.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	5.36	6.54	-18.1%
Bất động sản đầu tư	748	0	
Tài sản dở dang	0	740	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	578	464	24.6%
Tài sản dài hạn khác	**23.9**	**24.5**	**-2.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,581	1,651	-4.2%
Nợ ngắn hạn	**992**	**1,490**	**-33.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	569	565	0.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	338	797	-57.5%
Nợ dài hạn	589	161	265%
Vay và nợ thuê dài hạn	580	152	282%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,353**	**1,337**	**1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**1,353**	**1,337**	**1.3%**
Vốn điều lệ	1,050	1,050	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)